|  |  |
| --- | --- |
| **PHÒNG GD & ĐT THỊ XÃ ĐIỆN BÀN****TRƯỜNG THCS TRẦN CAO VÂN** | **MA TRẬN VÀ ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ II****NĂM HỌC 2023 – 2024****Môn: KHTN 6** |

**I. MA TRẬN**

**- Thời điểm kiểm tra:** *Kiểm tra giữa học kì 2 (hết tuần 25).*

*+ Phân môn sinh: Chương VII Từ bài 30 đến ½ bài 36 (16 tiết).*

*+ Phân môn vật lý: Chương VIII từ bài 40 đến bài 45 (16 tiết)*

**- Thời gian làm bài:** *90 phút.*

**- Hình thức kiểm tra:** *Kết hợp giữa trắc nghiệm và tự luận (tỉ lệ 50% trắc nghiệm, 50% tự luận)*

**- Cấu trúc:**

- Mức độ đề:*40% Nhận biết; 30% Thông hiểu; 20% Vận dụng; 10% Vận dụng cao.*

- Phần trắc nghiệm: 5,0 điểm *(gồm 20 câu hỏi mỗi câu 0,25 điểm).*

- Phần tự luận: 5,0 điểm *( Thông hiểu: 2,0 điểm; Vận dụng: 2 điểm; Vận dụng cao: 1 điểm)*

+ Phân môn sinh 5 điểm.

+ Phân môn lý 5 điểm.

***-* KHUNG MA TRẬN**

|  |  |
| --- | --- |
| **Chủ đề** | **MỨC ĐỘ** |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng thấp** | **Vận dụng cao** |
| TL | **TN** | **TL** | **TN** | **TL** | **TN** | **TL** | **TN** |
| *1. Đa dạng thế giới sống (16 tiết từ bài 30 đến ½ bài 36)* |  0 | **8** |  1(1,0) | **2** | 1/2 (1,0) | **0** | 1/2(0,5) | **0** |
| **Số câu** | 0 | **8** | 1 | **0,5** | 1/2 | **0** | 1/2 | **0** |
| **Số điểm** |  **0** | **2** | **1,0** | **0,5** | **1** | **0** | **0,5** | **0** |
| **% điểm số** | **20% (2,0 )** | **15% (1,5đ)** | **10% (1đ)** | **5% (0,5đ)** |
| **2. Lực trong đời sống****( 14 tiết từ bài 40 đến bài 45)** | **0** | **4** |  | **6** | **1** | **0** | **1/2** | **0** |
| **Số câu** | **1** | **4** |  | **6** | **1** | **0** | **1/2** | **0** |
| **Số điểm** | **1** | **1** |  | **1,5** | **1** | **0** | **0,5** | **0** |
| **% điểm số** | **20% (2,0 )** | **15% (1,5đ)** | **10% (1đ)** | **5% (0,5đ)** |
| **Tổng số câu** | **16** | **2** | **4** | **2** |  | **1** |  |
| **Tổng điểm** | **4,0** | **3,0** | **2,0** | **1,0** |
| **% điểm số** | **40%** | **30%** | **20%** | **10%** |

**II. BẢNG ĐẶC TẢ.**

| **Nội dung** | **Mức độ** | **Yêu cầu cần đạt** | **Số câu hỏi** | **Câu hỏi** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| TL | TN | TL | TN |
| ***1. Đa dạng thế giới sống (16 tiết)*** |  |  |  |  |
| - Sự đa dạng nguyên sinh vật, một số bệnh do nguyên sinh vật gây nên. - Sự đa dạng nấm, vai trò của nấm, một số bệnh do nấm gây ra.- Sự đa dạng của thực vật, động vật.- Tìm hiểu các sinh vật ngoài thiên nhiên. | **Nhận biết** | - Nêu được một số vai trò của thực vật trong tự nhiên và đơig sống của con người và động vậtNêu được một số bệnh do nguyên sinh vật gây nên.Nêu được một số bệnh do nấm gây ra.Nêu được một số tác hại của động vật trong đời sống. |  | 3 |  | C3, 4, 7 |
| - Nhận biết một số đặc điểm của các nhóm thực vật |  | 3 |  | C6, 9, 10 |
| - Biết được hệ thống phân loại thực vật |  | **1** |  | C8 |
| - Nhận biết được một số đối tượng động vật |  | **1** |  | C5 |
| **Thông hiểu** | - Nhận biết được một số đối tượng nguyên sinh vật thông qua quan sát hình ảnh, mẫu vật (ví dụ: trùng roi, trùng đế giày, trùng biến hình, tảo silic, tảo lục đơn bào, ...).- Dựa vào hình thái, nêu được sự đa dạng của nguyên sinh vật.- Trình bày được cách phòng và chống bệnh do nguyên sinh vật gây ra - Trình bày được cách phòng và chống bệnh do nguyên sinh vật gây ra. |  | 1 |  | C1 |
| - Nhận biết được một số đại diện nấm thông qua quan sát hình ảnh, mẫu vật (nấm đơn bào, đa bào. Một số đại diện phổ biến: nấm đảm, nấm túi, ...). Dựa vào hình thái, trình bày được sự đa dạng của nấm.- Trình bày được vai trò của nấm trong tự nhiên và trong thực tiễn (nấm được trồng làm thức ăn, dùng làm thuốc,...).- Trình bày được cách phòng và chống bệnh do nấm gây ra.- Trình bày được vai trò của nấm trong tự nhiên và trong thực tiễn (nấm được trồng làm thức ăn, dùng làm thuốc,...). |  | 1 |  | C2 |
| -Phân biệt được hai nhóm động vật không xương sống và có xương sống. Lấy được ví dụ minh hoạ.- Nhận biết được các nhóm động vật không xương sống dựa vào quan sát hình ảnh hình thái (hoặc mẫu vật, mô hình) của chúng (Ruột khoang, Giun; Thân mềm, Chân khớp). Gọi được tên một số con vật điển hình.- Nhận biết được các nhóm động vật có xương sống dựa vào quan sát hình ảnh hình thái (hoặc mẫu vật, mô hình) của chúng (Cá, Lưỡng cư, Bò sát, Chim, Thú). Gọi được tên một số con vật điển hình. Dựa vào sơ đồ, hình ảnh, mẫu vật, phân biệt được các nhóm thực vật: Thực vật không có mạch (Rêu); Thực vật có mạch, không có hạt (Dương xỉ); Thực vật có mạch, có hạt (Hạt trần); Thực vật có mạch, có hạt, có hoa (Hạt kín).- Trình bày được vai trò của thực vật trong đời sống và trong tự nhiên: làm thực phẩm, đồ dùng, bảo vệ môi trường (trồng và bảo vệ cây xanh trong thành phố, trồng cây gây rừng, ...)- Trình bày được vai trò của thực vật trong đời sống và trong tự nhiên: làm thực phẩm, đồ dùng, bảo vệ môi trường (trồng và bảo vệ cây xanh trong thành phố, trồng cây gây rừng, ...).  | 1 |  |  | C1 |
| **Vận dụng thấp** | Thực hành quan sát và vẽ được hình nguyên sinh vật dưới kính lúp hoặc kính hiển vi - Giải thích được vì sao thực vật đa dạng. |  |  |  |  |
| - Thông qua thực hành, quan sát và vẽ được hình nấm (quan sát bằng mắt thường hoặc kính lúp).- Thực hành quan sát (hoặc chụp ảnh) và kể được tên một số động vật quan sát được ngoài thiên nhiên- Quan sát hình ảnh, mẫu vật thực vật và phân chia được thành các nhóm thực vật theo các tiêu chí phân loại đã học | **1/2** |  |  | C2a |
| **Vận dụng cao** | - Quan sát và phân biệt được một số nhóm thực vật ngoài thiên nhiên.- Thực hiện được một số phương pháp tìm hiểu sinh vật ngoài thiên nhiên: quan sát bằng mắt thường, kính lúp, ống nhòm; ghi chép, đo đếm, nhận xét và rút ra kết luận.- Nhận biết được vai trò của sinh vật trong tự nhiên (Ví dụ, cây bóng mát, điều hòa khí hậu, làm sạch môi trường, làm thức ăn cho động vật, ...).- Sử dụng được khoá lưỡng phân để phân loại một số nhóm sinh vật.- Quan sát và phân biệt được một số nhóm thực vật ngoài thiên nhiên.- Chụp ảnh và làm được bộ sưu tập ảnh về các nhóm sinh vật (thực vật, động vật có xương sống, động vật không xương sống).- Làm và trình bày được báo cáo đơn giản về kết quả tìm hiểu sinh vật ngoài thiên nhiên. |  |  |  |  |
| - Tổng hợp, giải thích được vai trò của nấm | 1/2 |  |  | C2b |
| 2. Lực trong đời sống |
| Lực là gì? | **Nhận biết** | * Nhận biết lực tiếp xúc và lực không tiếp xúc.
* Lấy được ví dụ để chứng tỏ lực là sự đẩy hoặc sự kéo.
* Lấy được ví dụ về tác dụng của lực làm thay đổi tốc độ.
* Lấy được ví dụ về tác dụng của lực làm thay đổi hướng chuyển động.
* Lấy được ví dụ về tác dụng của lực làm biến dạng vật.
 |  | 1 |  | C12 |
| **Thông hiểu** | * Hiểu được tác dụng của lực lên một vật.
* Hiểu được đặc điểm của lực tiếp xúc và lực không tiếp xúc.
* Chỉ ra được lực tiếp xúc và lực không tiếp xúc.
 |  | 1 |  | C11 |
| Biểu diễn lực | **Nhận biết** | * Biết được đơn vị lực là Niuton
* Nhận biết được dụng cụ đo lực là lực kế.
 |  | 1 |  | C16 |
| **Thông hiểu** | * Biểu diễn được một lực bằng một mũi tên có điểm đặt tại vật chịu tác dụng lực, có độ lớn và theo hướng của sự kéo hoặc đẩy.
* Biết cách sử dụng lực kế để đo lực (ước lượng độ lớn lực tác dụng lên vật, chọn lực kế thích hợp, tiến hành đúng thao tác đo, đọc giá trị của lực trên lực kế).
 |  | 1 |  | C17 |
| **Vận dụng** | * Biểu diễn được lực tác dụng lên 1 vật trong thực tế và chỉ ra tác dụng của lực trong trường hợp đó.
 | **1** |  |  | C4 |
| Biến dạng của lò xo | **Nhận biết** | * Biết được độ dãn lò xo tỉ lệ với khối lượng vật
* Nhận biết được khi nào lực đàn hồi xuất hiện.
* Lấy được một số ví dụ về vật có khả năng đàn hồi tốt, kém.
* Kể tên được một số ứng dụng của vật đàn hồi
 |  | 1 |  | C18 |
| **Thông hiểu** | * Chỉ ra được phương, chiều của lực đàn hồi khi vật chịu lực tác dụng.
* Chứng tỏ được độ giãn của lò xo treo thẳng đứng tỉ lệ với khối lượng của vật treo.
 |  |  |  |  |
| **Vận dụng** | * Giải thích được một số hiện tượng thực tế về: nguyên nhân biến dạng của vật rắn; lò xo mất khả năng trở lại hình dạng ban đầu; ứng dụng của lực đàn hồi trong kĩ thuật.
 |  |  |  |  |
| **Vận dụng cao** | * Dựa vào tính chất độ dãn lò xo tỉ lệ với khối lượng vật để tìm các đại lượng liên quan.
 | **1** |  |  | C5 |
| Trọng lượng, lực hấp dẫn | **Nhận biết** | * Nêu được khái niệm về khối lượng.
* Nêu được khái niệm lực hấp dẫn.
* Nêu được khái niệm trọng lượng.
 | **1** | 1 |  | C13C3 |
| **Thông hiểu** | * Đọc và giải thích được số chỉ về trọng lượng, khối lượng ghi trên các nhãn hiệu của sản phẩm tên thị trường.
* Giải thích được một số hiện tượng thực tế liên quan đến lực hấp dẫn, trọng lực
 |  |  |  |  |
| **Vận dụng** | * Xác định được trọng lượng của vật khi biết khối lượng của vật hoặc ngược lại
 |  |  |  |  |
| Lực ma sát | **Nhận biết** | * Kể tên được ba loại lực ma sát.
* Lấy được ví dụ về sự xuất hiện của lực ma sát nghỉ.
* Lấy được ví dụ về sự xuất hiện của lực ma sát lăn.
* Lấy được ví dụ về sự xuất hiện của lực ma sát trượt.
 |  |  |  |  |
| **Thông hiểu** | * Hiểu được đặc điểm lực ma sát
* Chỉ ra được nguyên nhân gây ra lực ma sát.
* Nêu được khái niệm về lực ma sát trượt (ma sát lăn, ma sát nghỉ). Cho ví dụ.
* Phân biệt được lực ma sát nghỉ, lực ma sát trượt, lực ma sát lăn.
 |  | 2 |  | C14,C15 |
| **Vận dụng** | * Chỉ ra được tác dụng cản trở hay tác dụng thúc đẩy chuyển động của lực ma sát nghỉ (trượt, lăn) trong trường hợp thực tế.
* Lấy được ví dụ về một số ảnh hưởng của lực ma sát trong an toàn giao thông đường bộ.
 |  |  |  |  |
| Lực cản của nước | **Nhận biết** |  Lấy được ví dụ vật chịu tác dụng của lực cản khi chuyển động trong môi trường (nước hoặc không khí). |  |  |  |  |
| **Thông hiểu** | * Phân biệt được lực cản của nước, tính chất lực cản của nước.

Chỉ ra được chiều của lực cản tác dụng lên vật chuyển động trong môi trường. |  | 2 |  | C19,C20 |
| **Vận dụng** | Lấy được ví dụ thực tế và giải thích được khi vật chuyển động trong môi trường nào thì vật chịu tác dụng của lực cản môi trường đó. |  |  |  |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Trường THCS Trần Cao VânHọ và tên ……………… Lớp: 6/.. |  **KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II****NĂM HỌC: 2023 - 2024**  **MÔN: KHTN 6**Thời gian làm bài: 90 phút | ***Điểm:*** |

**A. TRẮC NGHIỆM (5điểm).**

**Câu 1:** Bệnh nào do nguyên sinh vật gây ra?

**A.** Bệnh sốt rét. **B.** Bệnh sốt xuất huyết.

**C.** Bệnh thuỷ đậu. **D.** Bệnh lao.

**Câu 2:** Loại nấm nào sau đây được sử dụng làm thức ăn cho người?

**A.** Nấm men. **B.** Nấm đỏ. **C.** Nấm hương. **D.** Nấm than.

**Câu 3:** Vai trò chủ yếu của thực vật với đời sống động vật và con người

**A.** là nơi sinh sản của một số động vật.

**B.** là nơi tổng hợp chất hữu cơ và tạo ra oxygen cung cấp cho động vật và con người

**C.** là nhà sản xuất thức ăn cho sinh giới.

**D.** Giúp lọc không khí.

**Câu 4:** Thực vật góp phần làm giảm ô nhiễm môi trường bằng cách

**A.** giảm bụi và khí độc, tăng hàm lượng CO2.

**B.** giảm bụi và khí độc, cân bằng hàm lượng CO2 và O2

**C.** giảm bụi và khí độc, giảm hàm lượng O2.

**D.** giảm bụi và sinh vật gây bệnh, tăng hàm lượng CO2

**Câu 5:** Động vật nào dưới đây thuộc ngành ruột khoang?

**A.** Thuỷ tức. **B.** Giun đất. **C.** Cá mè. **D.** Ếch.

**Câu 6:** Dương xỉ sinh sản bằng

**A.** cách nảy chồi. **B.** hạt. **C.** củ. **D.** bào tử.

**Câu 7:** Thực vật có vai trò đối với động vật là

**A.** cung cấp thức ăn. **C.** cung cấp thức ăn, nơi ở.

**B.** ngăn biến đổi khí hậu. **D.** giữ đất, giữ nước.

**Câu 8:** Thực vật được chia thành các ngành nào?

**A.** Rêu, Dương xỉ, Hạt trần, Hạt kín. **B.** Nấm, Dương xỉ, Rêu, Quyết.

**C.** Hạt kín, Quyết, Hạt trần, Nấm. **D.** Nấm, Rêu, Tảo, và Hạt kín.

**Câu 9:** Rêu thường sống ở

**A.** nơi khô hạn. **B.** nơi ẩm ướt.

**C.** dưới nước. **D.** môi trường không khí.

**Câu 10:** Nhóm thực vật nào sau đây có đặc điểm: có mạch, có hạt, không có hoa?

**A.** Rêu. **B.** Dương xỉ. **C.** Hạt Kín. **D.** Hạt trần.

**Câu 11:** Dùng búa đóng một chiếc đinh vào tường, lực nào đã làm cho đinh chuyển động vào tường?

A. Lực của búa tác dụng vào đinh.B. Lực của tường tác dụng vào đinh.

 C. Lực của đinh tác dụng vào búa. D. Lực của búa tác dụng vào tường.

**Câu 12:** Lực tiếp xúc là gì?

A. Là lực có phương thẳng đứng, chiều từ trên xuống dưới

B. Là lực xuất hiện khi vật gây ra lực có sự tiếp xúc với vật

C. Là lực xuất hiện khi vật gây ra lực không có sự tiếp xúc với vật

D. Là lực hút các vật khác

**Câu 13:** Mọi vật bất kì có khối lượng luôn hút nhau một lực, lực đó gọi là

**A.** trọng lượng. **B.** lực kéo. **C.** lực hấp dẫn. **D.** lực đẩy.

**Câu 14:** Lực ma sát nào sau đây là ma sát nghỉ

**A.** Ma sát giữa các viên bi với ổ trục xe đạp, xe máy.

 **B.** Ma sát giữa má phanh với vành xe.

**C.** Ma sát giữa lốp xe và mặt đường khi xe đang chuyển

**D.** Ma sát giữa cốc nước đặt trên mặt bàn với mặt bàn.

**Câu 15:** Lực ma sát là lực xuất hiện ở

**A.** trên bề mặt vật gây ra lực.  **B.** trên bề mặt vật chịu tác động của lực.

**C.** bề mặt tiếp xúc giữa hai vật.  **D.** bề mặt của vật khi chưa tiếp xúc.

**Câu 16:** Đơn vị của lực là

**A.** mét.  **B.** niutơn. **C.** kilôgam.  **D.** mét vuông.

**Câu 17:** Hình nào sau đây biểu diễn đúng trọng lực (phương thẳng đứng, chiều từ trên xuống dưới) của vật có trọng lượng 5N ?

****

**A.** Hình 1 B. Hình 2 C. Hình 3 D. Hình 4

**Câu 18:** Độ dãn của lò xo treo theo phương thẳng đứng tỉ lệ với

**A.** khối lượng của vật treo.  **B.** lực hút của Trái Đất.

**C.** độ dài của lò xo.  **D.** trọng lượng của lò xo.

**Câu 19:** Trong các trường hợp sau, trường hợp nào chịu lực cản của nước?

A. Quả dừa rơi từ trên cây xuống. B. Bạn Lan đang tập bơi.

C. Bạn Hoa đi xe đạp tới trường. D. Chiếc máy bay đang bay trên bầu trời.

**Câu 20:** Tại sao đi lại trên mặt đất dễ dàng hơn khi đi lại dưới nước?

A. Vì khi đi dưới nước chịu cả lực cản của nước và không khí.

B. Vì lực cản của nước lớn hơn lực cản của không khí.

C. Vì khi ở dưới nước ta bị Trái Đất hút nhiều hơn.

D. Vì không khí chuyển động còn nước thì đứng yên.

**B. PHẦN TỰ LUẬN (5.0 ĐIỂM)**

**Câu 1. (1.0 điểm).** Em hãy trình bày vai trò của thực vật đối với đời sống con người?

**Câu 2. (1.5 điểm).** Làm thế nào để nhận biết nấm độc và nấm thường? Có bạn nói rằng: “Tất cả các loại nấm đều có lợi” điều đó đúng hay sai? Vì sao?

**Câu 3. (1 điểm)** Trọng lượng của một vật là gì?

**Câu 4. (1 điểm)** Biểu diễn các lực sau theo tỉ lệ xích 1cm ứng với 2N

a) Lực F1 có phương ngang, chiều từ trái sang phải, độ lớn 4N. **(0.5 điểm)**

b) Lực F2 có phương hợp với phương ngang 1 góc 450, chiều từ trái sang phải, độ lớn 6N. **(0.5 điểm)**

**Câu 5. (0.5 điểm)** Một lò xo có chiều dài tự nhiên 10cm được treo thẳng đứng, đầu dưới của lò xo gắn một quả nặng có khối lượng 40g. Khi quả nặng cân bằng thì thấy lò xo dãn ra 1 đoạn 2cm.

Biết độ dãn của lò xo tỉ lệ thuận với khối lượng vật treo. Khi treo quả nặng có khối lượng 80g vào lò xo thì lò xo dãn ra 1 đoạn bao nhiêu?

**IV. HƯỚNG DẪN CHẤM**

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ 2**

**I. TNKQ (5.0 điểm):** Mỗi câu chọn đáp án đúng được 0.25 điểm.

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** | **11** | **12** | **13** | **14** | **15** | **16** | **17** | **18** | **19** | **20** |
| Đ/A | A | C | B | B | A | D | C | A | B | D | A | B | C | D | C | B | B | A | B | B |

**Phần II: Tự luận: (5.0 điểm)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **Câu 1****(1,0 điểm)** | Vai trò của thực vật đối với đời sống con người- Cung cấp lương thực, thực phẩm.- Cho bóng mát và điều hòa khí hậu.- Làm thuốc, gia vị, cây cảnh và trang trí.- Làm đồ dùng và nguyên liệu để sản xuất giấy. | 0,25 điểm0,25 điểm0,25 điểm0,25 điểm |
| **Câu 2****(1,5 điểm)** | - Nhận biết bằng cách phân biệt màu sắc và vòng cuống nấm:+ Về màu sắc: Nấm độc thường có màu sắc sặc sỡ: Đỏ, tím, cam…+ Về vòng cuống nấm thì chỉ xuất hiện ở nấm độc mà không có ở nấm thường |   0,5 điểm 0,5 điểm |
| Điều đó là sai Vì: Bên cạnh những loại nấm có lợi cho tự nhiên và con người thì cũng có 1 số nấm gây bệnh cho con người, động vật và thực vật…… | 0,25 điểm0,25 điểm |
| **Câu 3.****(1 điểm)** | Trọng lượng của một vật là độ lớn lực hút của trái đất tác dụng lên vật đó. | 1 điểm |
| **Câu 4****(1điểm)** |  b) | Mỗi hình vẽ đúng được 0,5 điểm |
| **Câu 5****(0,5 đ)** | Do độ dãn của lò xo tỉ lệ thuận với khối lượng vật treo, mà quả nặng lúc sau có khối lượng gấp khối lượng quả nặng lúc đầu là 80: 40 =2 lần nên độ dãn lúc sau của lò xo cũng gấp 2 lần độ dãn lúc đầu. Vậy độ dãn lò xo lúc sau là : 2.2= 4 cm | 0,5 điểm |

**HSKT: trắc nghiệm câu: 3, 5, 6, 9, 10, 11, 13, 16, 18, 19. Mỗi câu đúng được 0.5 đ. Các câu còn lại nếu đúng được 0.25 điểm**

 **Tự luận: theo thang điểm bình thường.**

|  |  |
| --- | --- |
| **Người duyệt đề****(Ký, ghi rõ họ tên)** | **Người ra đề****(Ký, ghi rõ họ tên)** |
| Lê Thị Hồng Đẹp | Nuyễn Lê Thuỳ Ngân, Lê Thị Hồng Đẹp |